

TẬP ĐOÀN  
BUU CHÍNH VIỄN THÔNG  
VIỆT NAM  
**BỆNH VIỆN BUU ĐIỆN**

Số: 100/BVBD-VTTBYT  
V/v: gửi báo giá cung Vật tư,  
hóa chất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09 tháng 1 năm 2026

**Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam**

Bệnh viện Bưu điện có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng dự toán, giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu với nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

**1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Bưu điện**

Số 49 phố Trần Điện, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội.

**2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:**

- Họ tên người nhận: Đỗ Thị Hồng Vân
- Chức vụ: Chuyên viên phòng Vật tư – TBYT
- SĐT: 0903.478.887

**II. Thành phần báo giá:**

- Báo giá theo mẫu tại Phụ lục 01 đính kèm: Bản gốc có ký đóng dấu người đại diện pháp luật.
- Quyết định trúng thầu tại Cơ sở y tế khác, không phải tại Bệnh viện Bưu điện (sau đây viết tắt là: *Quyết định trúng thầu*); ưu tiên đã ký trong vòng 1 năm trở lại đây tính từ ngày 15/01/2026 hoặc trước đó (nếu có và đánh giá còn hợp lý): Bản sao y, đóng dấu công ty.

**III. Nội dung yêu cầu trong báo giá và trên Quyết định trúng thầu:**

**1. Nội dung yêu cầu trong báo giá gồm tối thiểu các thông tin sau đây:**

- Danh mục vật tư tiêu hao và hóa chất: *Chi tiết tại các phụ lục đính kèm. Chào theo mẫu tại PL01.*
- Địa điểm giao hàng:

Bệnh viện Bưu điện, cơ sở 1: Số 49 phố Trần Điện, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội.

Bệnh viện Bưu điện, cơ sở 2: Số 1 phố Yên Bái II, phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

- Thời gian giao hàng dự kiến: 24 tháng kể từ ngày hợp đồng kinh tế có hiệu lực
- Thanh toán: Chuyển khoản 100% giá trị hóa đơn trong vòng 90 ngày kể từ ngày giao hàng và hóa đơn.
- Các thông tin khác (nếu có).

**2. Nội dung yêu cầu trên Quyết định trúng thầu (viết tắt: QĐTT):**

- Bôi đậm (Highlight) danh mục được tham chiếu giá.
- Tại mỗi danh mục được tham chiếu giá trên QĐTT, Công ty ghi “Mã yêu cầu” (G....) để thuận lợi đối chiếu.

**IV. Cách thức, thời gian tiếp nhận, hiệu lực báo giá:**

**1. Gửi trực tiếp đến địa chỉ:**

Tầng 6- phòng Vật tư –TBYT, Bệnh viện Bưu điện, Số 49 phố Trần Điền, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội.

**2. Gửi bản Quyết định trúng thầu tại CSYT khác, File excel và scan báo giá ký người đại diện pháp luật vào email: vttbyt.bvbd01072013@gmail.com.**

**3. Thời hạn tiếp nhận báo giá:** Từ ngày 16/01/2026 đến trước 17h ngày 19/01/2026

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

**4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá:**

- Tối thiểu 720 ngày kể từ ngày 19/01/2026.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của các đơn vị./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VTTBYT



**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Phạm Trường Giang**

PHỤ LỤC 01  
MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo công văn số: 100 /BVBD-VTTBYT ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Bệnh viện Bưu điện)

TÊN ĐƠN VỊ BÁO GIÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Bưu điện

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Bưu điện, chúng tôi... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hàng hóa như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị và dịch vụ liên quan

| STT | Mã yêu cầu (1) | Danh mục Hàng hóa (2) | Ký, mã, nhãn hiệu, model (3) | Hãng sản xuất (4) | Mã HS (5) | Năm sản xuất (6) | Xuất xứ (7) | Số lượng chính (8) | Số lượng tùy chọn mua thêm (9) | Đơn giá (10) | Đơn vị tính (11) | Thành tiền (12)                       | Mô tả tính năng kỹ thuật (13) | QĐTT tham chiếu                |                                           |
|-----|----------------|-----------------------|------------------------------|-------------------|-----------|------------------|-------------|--------------------|--------------------------------|--------------|------------------|---------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------------|
|     |                |                       |                              |                   |           |                  |             |                    |                                |              |                  |                                       |                               | Đơn giá trúng thầu (đồng) (14) | Quyết định số .... ngày .... của ... (15) |
| 1   |                |                       |                              |                   |           |                  |             |                    |                                |              |                  | Cách tính: (12) = [(8) + (9)] * (10). |                               |                                |                                           |
| 2   |                |                       |                              |                   |           |                  |             |                    |                                |              |                  |                                       |                               |                                |                                           |
| 3   |                |                       |                              |                   |           |                  |             |                    |                                |              |                  |                                       |                               |                                |                                           |
| 4   |                |                       |                              |                   |           |                  |             |                    |                                |              |                  |                                       |                               |                                |                                           |

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn .... ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi ngày .... tháng ... năm ... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục IV - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:



- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....  
**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp<sup>(16)</sup>**  
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

#### **Ghi chú:**

Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 15.

- (1) Là “Mã yêu cầu” nêu tại các Phụ lục.
- (2) Là Tên hàng hóa theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục hàng hóa” nêu tại các Phụ lục.
- (3) Là ký hiệu, mã hiệu, model của hàng hóa.
- (4) Là Hãng sản xuất.
- (5) Là mã HS của từng hàng hóa.
- (6), (7) Là năm sản xuất, xuất xứ của hàng hóa.
- (8) Là số lượng, khối lượng chính nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (9) Là số lượng, khối lượng tùy chọn mua thêm nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (10) Là đơn giá chào (đã bao gồm đầy đủ thuế, phí/lệ phí, chi phí vận chuyển, bàn giao và dịch vụ khác liên quan).
- (12): Cách tính:  $(12) = (8 + 9) * (10)$ . Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng hàng hóa (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (đồng). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(15): Ví dụ: Quyết định số 123/QĐ-BV ngày 12/3/2025 của Bệnh viện A

(16): Người đại diện theo pháp luật hoặc người được pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

**Phụ lục Danh mục**

(Đính kèm Công văn ngày 09/1/2026 của Phòng VT-TBYT)

| STT | Tên Hàng hóa                                                                  | ĐVT  | Số lượng<br>kế hoạch | Số lượng<br>tùy chọn<br>mua thêm | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Vùng<br>lãnh thổ<br>sản xuất |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------|------|----------------------|----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| 1   | <b>Vật tư, hóa chất dùng cho máy phân tích miễn dịch tự động ETI-MAX 3000</b> |      |                      |                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                              |
| 1.1 | Bộ kit xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng giun đũa                      | Test | 3.840                | 1.152                            | Dùng để xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng <i>Ascaris lumbricoides</i> (giun đũa) có trong huyết thanh hay huyết tương người (citrate).<br>Độ đặc hiệu: 95%<br>Độ nhạy: 100%<br>Tổng thời gian ủ: 105 ± 5 phút<br>Quy cách đóng gói: 96 test/hộp                                                                            | Không<br>yêu cầu             |
| 1.2 | Bộ kit xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng <i>Echinococcus</i>           | Test | 7.680                | 2.304                            | Dùng để xét nghiệm định tính các kháng thể IgG kháng <i>Echinococcus</i> trong huyết thanh và huyết tương người (citrate, heparin).<br>Độ đặc hiệu: 98.82%<br>Độ nhạy: 97.22%<br>Tổng thời gian ủ: 75 ± 5 phút (Yêu cầu tài liệu chứng minh bằng dữ liệu thử nghiệm của hãng sản xuất)<br>Quy cách đóng gói: 96 test/hộp          | Không<br>yêu cầu             |
| 1.3 | Bộ kit xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng <i>Amip gan phổi</i>          | Test | 5.760                | 1.728                            | Dùng để xác định định tính các kháng thể IgG kháng <i>Entamoeba histolytica</i> trong huyết thanh hoặc huyết tương người (citrate, heparin)<br>Độ đặc hiệu: 98%<br>Độ nhạy: 100%<br>Tổng thời gian ủ: 75 ± 5 phút (Yêu cầu tài liệu chứng minh bằng dữ liệu thử nghiệm của hãng sản xuất)<br>Quy cách đóng gói: 96 test/hộp       | Không<br>yêu cầu             |
| 1.4 | Bộ kit xét nghiệm định tính kháng thể kháng giun chỉ                          | Test | 2.880                | 864                              | Dùng để xét nghiệm định tính các kháng thể đặc hiệu kháng giun chỉ trong huyết thanh, hoặc huyết tương người (citrate hoặc heparin)<br>Độ đặc hiệu: 99.1%<br>Độ nhạy: 94.7%<br>Tổng thời gian ủ: 75 ± 5 phút (Yêu cầu tài liệu chứng minh bằng dữ liệu thử nghiệm của hãng sản xuất)<br>Quy cách đóng gói: 96 test/hộp            | Không<br>yêu cầu             |
| 1.5 | Bộ kit xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng sán máng                      | Test | 3.840                | 1.152                            | Dùng để xét nghiệm định tính các kháng thể IgG kháng <i>Schistosoma mansoni</i> trong huyết thanh hoặc huyết tương người (citrate, heparin).<br>Độ đặc hiệu: 98.55%<br>Độ nhạy: 93.75%<br>Tổng thời gian ủ: 75 ± 5 phút (Yêu cầu tài liệu chứng minh bằng dữ liệu thử nghiệm của hãng sản xuất)<br>Quy cách đóng gói: 96 test/hộp | Không<br>yêu cầu             |
| 1.6 | Bộ kit xét nghiệm định tính kháng thể kháng giun lươn                         | Test | 7.680                | 2.304                            | Dùng để xác định định tính các kháng thể kháng <i>Strongyloides</i> trong huyết thanh hoặc huyết tương người (citrate hoặc heparin)<br>Độ đặc hiệu: 94.12%<br>Độ nhạy: 89.47%<br>Tổng thời gian ủ: 75 ± 5 phút (Yêu cầu tài liệu chứng minh bằng dữ liệu thử nghiệm của hãng sản xuất)<br>Quy cách đóng gói: 96 test/hộp          | Không<br>yêu cầu             |



| STT  | Tên Hàng hóa                                                       | ĐVT  | Số lượng<br>kế hoạch | Số lượng<br>tùy chọn<br>mua thêm | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Vùng<br>lãnh thổ<br>sản xuất |
|------|--------------------------------------------------------------------|------|----------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| 1.7  | Bộ kit xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng sán dây lợn        | Test | 7.680                | 2.304                            | Dùng để xác định định tính các kháng thể IgG kháng <i>Taenia solium</i> trong huyết thanh hoặc huyết tương người (citrate, heparin).<br>Độ đặc hiệu: 100%<br>Độ nhạy: 100%<br>Tổng thời gian ủ: 75 ± 5 phút (Yêu cầu tài liệu chứng minh bằng dữ liệu thử nghiệm của hãng sản xuất)<br>Quy cách đóng gói: 96 test/hộp         | Không yêu cầu                |
| 1.8  | Bộ kit xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng giun đũa chó       | Test | 9.600                | 2.880                            | Dùng để xét nghiệm định tính kháng thể loại IgG kháng <i>Toxocara canis</i> trong huyết thanh hoặc huyết tương người (citrate, heparin).<br>Độ đặc hiệu: 98.63%<br>Độ nhạy: 96.92%<br>Tổng thời gian ủ: 75 ± 5 phút (Yêu cầu tài liệu chứng minh bằng dữ liệu thử nghiệm của hãng sản xuất)<br>Quy cách đóng gói: 96 test/hộp | Không yêu cầu                |
| 1.9  | Bộ kit xét nghiệm định lượng kháng thể IgG kháng <i>Toxoplasma</i> | Test | 5.760                | 1.728                            | Được dùng để xét nghiệm định lượng các kháng thể IgG kháng lại <i>Toxoplasma gondii</i> trong huyết thanh hoặc huyết tương người (citrate / heparin).<br>Độ đặc hiệu: 98.45 %<br>Độ nhạy: 98.25 %<br>Tổng thời gian ủ: 105 ± 5 phút<br>Quy cách đóng gói: 96 test/hộp                                                         | Không yêu cầu                |
| 1.10 | Bộ kit xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng <i>Toxoplasma</i>  | Test | 5.760                | 1.728                            | Được dùng để xét nghiệm định tính các kháng thể IgM kháng lại <i>Toxoplasma gondii</i> trong huyết thanh hoặc huyết tương người (citrate / heparin).<br>Độ đặc hiệu: 99.32 %<br>Độ nhạy: 98.21 %<br>Tổng thời gian ủ: 105 ± 5 phút<br>Quy cách đóng gói: 96 test/hộp                                                          | Không yêu cầu                |
| 1.11 | Bộ kit xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng giun xoắn          | Test | 3.840                | 1.152                            | Dùng để xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng <i>Trichinella spiralis</i> trong huyết thanh và huyết tương người (citrate).<br>Độ đặc hiệu: 94.81%<br>Độ nhạy: 100%<br>Tổng thời gian ủ: 75 ± 5 phút (Yêu cầu tài liệu chứng minh bằng dữ liệu thử nghiệm của hãng sản xuất)<br>Quy cách đóng gói: 96 test/hộp             | Không yêu cầu                |
| 1.12 | Bộ kit xét nghiệm định tính phát hiện kháng thể IgG sán lá phổi    | Test | 5.760                | 1.728                            | Dùng để xét nghiệm định tính phát hiện kháng thể IgG <i>Paragonimus</i> trong huyết thanh và huyết tương người<br>Độ đặc hiệu 100%<br>Độ nhạy 95%<br>Tổng thời gian ủ: 50 phút<br>Quy cách đóng gói: 96 test/hộp                                                                                                              | Không yêu cầu                |
| 1.13 | Bộ kit xét nghiệm định tính phát hiện kháng thể giun tròn          | Test | 3.840                | 1.152                            | Dùng để xét nghiệm định tính phát hiện kháng thể <i>Angiostrongylus</i> trong huyết thanh<br>Độ đặc hiệu 98%<br>Độ nhạy 100%<br>Tổng thời gian ủ: 50 phút<br>Quy cách đóng gói: 96 test/hộp                                                                                                                                   | Không yêu cầu                |
| 1.14 | Bộ kit xét nghiệm định tính phát hiện kháng thể sán lá gan lớn     | Test | 7.680                | 2.304                            | Dùng để xét nghiệm định tính phát hiện kháng thể IgG <i>Fasciola (hepatica)</i> trong huyết thanh<br>Độ đặc hiệu 100%<br>Độ nhạy 100%<br>Tổng thời gian ủ: 20 phút<br>Quy cách đóng gói: 96 test/hộp                                                                                                                          | Không yêu cầu                |

| STT  | Tên Hàng hóa                                                   | ĐVT  | Số lượng<br>kế hoạch | Số lượng<br>tùy chọn<br>mua thêm | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                             | Vùng<br>lãnh thổ<br>sản xuất |
|------|----------------------------------------------------------------|------|----------------------|----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| 1.15 | Bộ kit xét nghiệm định tính phát hiện kháng thể sán lá gan bé  | Test | 7.680                | 2.304                            | Dùng để xét nghiệm định tính phát hiện kháng thể IgG Clonochis trong huyết thanh và huyết tương người<br>Độ đặc hiệu 92%<br>Độ nhạy 100%<br>Tổng thời gian ủ: 50 phút<br>Quy cách đóng gói: 96 test/hộp                                                      | Không<br>yêu cầu             |
| 1.16 | Bộ kit xét nghiệm định tính phát hiện kháng thể giun đầu gai   | Test | 3.840                | 1.152                            | Dùng để xét nghiệm định tính phát hiện kháng thể IgG Gnathostoma trong huyết thanh và huyết tương người<br>Độ đặc hiệu 100%<br>Độ nhạy 93%<br>Tổng thời gian ủ: 50 phút<br>Quy cách đóng gói: 96 test/hộp                                                    | Không<br>yêu cầu             |
| 1.17 | Bộ kit xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng virus sởi      | Test | 1.920                | 576                              | Dùng để xét nghiệm định tính các kháng thể nhóm IgM chống lại Virus sởi trong huyết thanh hoặc huyết tương người (citrate, heparin)<br>Độ đặc hiệu: 100%<br>Độ nhạy: 100%<br>Tổng thời gian ủ: 105 ± 5 phút<br>Quy cách đóng gói: 96 test/hộp                | Không<br>yêu cầu             |
| 1.18 | Bộ kit xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng virus sởi      | Test | 1.920                | 576                              | Dùng để xét nghiệm định tính các kháng thể IgG kháng vi rút sởi trong huyết thanh hoặc huyết tương người (citrate, heparin).<br>Độ đặc hiệu: 100%<br>Độ nhạy: 97.01%<br>Tổng thời gian ủ: 105 ± 5 phút<br>Quy cách đóng gói: 96 test/hộp                     | Không<br>yêu cầu             |
| 1.19 | Bộ kit xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng virus HSV      | Test | 2.880                | 864                              | Dùng để xét nghiệm định tính các kháng thể IgM kháng Herpes Simplex Virus 1+2 (HSV) trong huyết thanh hoặc huyết tương người (citrate, heparin).<br>Độ đặc hiệu: 98.49%<br>Độ nhạy: 100%<br>Tổng thời gian ủ: 105 ± 5 phút<br>Quy cách đóng gói: 96 test/hộp | Không<br>yêu cầu             |
| 1.20 | Bộ kit xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng virus HSV      | Test | 2.880                | 864                              | Dùng để xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng virus Herpes Simplex 1 + 2 (HSV) trong huyết thanh hoặc huyết tương người (citrate, heparin).<br>Độ đặc hiệu: 100%<br>Độ nhạy: 96.46%<br>Tổng thời gian ủ: 105 ± 5 phút<br>Quy cách đóng gói: 96 test/hộp   | Không<br>yêu cầu             |
| 1.21 | Bộ kit xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng virus Rubella  | Test | 1.920                | 576                              | Dùng để xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Virus Rubella trong huyết thanh hoặc huyết tương người (citrate, heparin).<br>Độ đặc hiệu: 99.4%<br>Độ nhạy: 100%<br>Tổng thời gian ủ: 105 ± 5 phút<br>Quy cách đóng gói: 96 test/hộp                       | Không<br>yêu cầu             |
| 1.22 | Bộ kit xét nghiệm định lượng kháng thể IgG kháng virus Rubella | Test | 1.920                | 576                              | Dùng để xét nghiệm định lượng kháng thể IgG kháng Virus Rubella trong huyết thanh hoặc huyết tương người (citrate, heparin).<br>Độ đặc hiệu: 100%<br>Độ nhạy: 100%<br>Tổng thời gian ủ: 105 ± 5 phút<br>Quy cách đóng gói: 96 test/hộp                       | Không<br>yêu cầu             |



| STT  | Tên Hàng hóa                                                                            | DVT  | Số lượng<br>kế hoạch | Số lượng<br>tùy chọn<br>mua thêm | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Vùng<br>lãnh thổ<br>sản xuất |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------|------|----------------------|----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| 1.23 | Bộ kit xét nghiệm<br>định tính kháng thể<br>IgM kháng virus<br>Mycoplasma<br>pneumoniae | Test | 2.880                | 864                              | Dùng để xét nghiệm định tính các kháng thể lớp IgM<br>kháng lại Mycoplasma pneumoniae trong huyết thanh<br>hoặc huyết tương người (citrate, heparin)<br>Độ đặc hiệu: 99.29%<br>Độ nhạy: 100%<br>Tổng thời gian ủ: 105 ± 5 phút<br>Quy cách đóng gói: 96 test/hộp                                                                                                                                                                     | Không<br>yêu cầu             |
| 1.24 | Bộ kit xét nghiệm<br>định tính kháng thể<br>IgG kháng virus<br>Mycoplasma<br>pneumoniae | Test | 2.880                | 864                              | Dùng để xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng<br>Mycoplasma pneumoniae trong huyết thanh hoặc huyết<br>tương người (citrate, heparin).<br>Độ đặc hiệu: 97.8%<br>Độ nhạy: 100%<br>Tổng thời gian ủ: 105 ± 5 phút<br>Quy cách đóng gói: 96 test/hộp                                                                                                                                                                                 | Không<br>yêu cầu             |
| 1.25 | Bộ kit xét nghiệm<br>định tính kháng thể<br>IgM kháng<br>Leptospira                     | Test | 960                  | 288                              | Dùng để xét nghiệm định tính các kháng thể lớp IgM<br>kháng lại Leptospira spp. Trong huyết thanh hoặc huyết<br>tương người (heparin).<br>Độ đặc hiệu: 96%<br>Độ nhạy: 100%<br>Tổng thời gian ủ: 105 ± 5 phút<br>Quy cách đóng gói: 96 test/hộp                                                                                                                                                                                      | Không<br>yêu cầu             |
| 1.26 | Bộ kit xét nghiệm<br>định tính kháng thể<br>IgG kháng<br>Leptospira                     | Test | 960                  | 288                              | Dùng để xét nghiệm định tính các kháng thể IgG kháng<br>lại Leptospira spp trong huyết thanh và huyết tương<br>người (heparin).<br>Độ đặc hiệu: 97.37%<br>Độ nhạy: 100%<br>Tổng thời gian ủ: 105 ± 5 phút<br>Quy cách đóng gói: 96 test/hộp                                                                                                                                                                                          | Không<br>yêu cầu             |
| 1.27 | Bộ kit xét nghiệm<br>định tính kháng thể<br>IgM kháng<br>Helicobacter pylori            | Test | 2.880                | 864                              | Dùng để xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng<br>Helicobacter pylori trong huyết thanh hoặc huyết tương<br>của người (citrate, heparin) từ những bệnh nhân có triệu<br>chứng hoặc những cá nhân nghi ngờ bị nhiễm<br>Helicobacter pylori.<br>Độ đặc hiệu: 97.06%<br>Độ nhạy: 94.59%<br>Tổng thời gian ủ: 75 ± 5 phút (Yêu cầu tài liệu chứng<br>minh bằng dữ liệu thử nghiệm của hãng sản xuất)<br>Quy cách đóng gói: 96 test/hộp | Không<br>yêu cầu             |
| 1.28 | Bộ kit xét nghiệm<br>định lượng kháng<br>thể IgG kháng<br>Helicobacter pylori           | Test | 2.880                | 864                              | Dùng để xét nghiệm định lượng các kháng thể IgG<br>kháng Helicobacter pylori trong huyết thanh và huyết<br>tương người (citrate, heparin).<br>Độ đặc hiệu: 93%<br>Độ nhạy: 98.08%<br>Tổng thời gian ủ: 75 ± 5 phút (Yêu cầu tài liệu chứng<br>minh bằng dữ liệu thử nghiệm của hãng sản xuất)<br>Quy cách đóng gói: 96 test/hộp                                                                                                      | Không<br>yêu cầu             |
| 1.29 | Bộ kit xét nghiệm<br>định tính kháng thể<br>IgM kháng virus<br>quai bị                  | Test | 3.840                | 1.152                            | Dùng để xét nghiệm định tính các kháng thể IgM kháng<br>virus quai bị trong huyết thanh và huyết tương người.<br>Độ đặc hiệu: 97.68%<br>Độ nhạy: 94.44%<br>Tổng thời gian ủ: 105 ± 5 phút<br>Quy cách đóng gói: 96 test/hộp                                                                                                                                                                                                          | Không<br>yêu cầu             |

| STT  | Tên Hàng hóa                                                                                              | DVT  | Số lượng<br>kế hoạch | Số lượng<br>tùy chọn<br>mua thêm | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Vùng<br>lãnh thổ<br>sản xuất |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| 1.30 | Bộ kit xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng virus quai bị                                             | Test | 3.840                | 1.152                            | Dùng để xét nghiệm định tính các kháng thể IgG kháng virus quai bị trong huyết thanh và huyết tương người.<br>Độ đặc hiệu: 95.83%<br>Độ nhạy: 93.55%<br>Tổng thời gian ủ: 105 ± 5 phút<br>Quy cách đóng gói: 96 test/hộp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Không yêu cầu                |
| 1.31 | Bộ kit xét nghiệm miễn dịch đồng thời kháng nguyên và kháng thể virus HCV bằng phương pháp ELISA 96 Test  | Hộp  | 4                    | 1                                | - Bộ xét nghiệm miễn dịch enzyme dùng để xét nghiệm định tính đồng thời cả kháng nguyên lõi và kháng thể chống virus viêm gan C (anti-HCV) trong mẫu huyết tương hoặc huyết thanh của người.<br>- Thành phần: Bao gồm: Khay vi giếng, chứng âm, chứng dương kháng nguyên, chứng dương kháng thể, Dung dịch pha loãng mẫu, chất cộng hợp, dung dịch pha loãng chất cộng hợp, cơ chất đậm đặc, dung dịch pha loãng cơ chất, dung dịch rửa<br>- Độ nhạy: 100%<br>- Độ đặc hiệu: 99.82%<br>- Độ nhạy phân tích antigen =< 800 IU/mL<br>- Số giếng control + Blank =< 4 giếng cho 1 lần chạy<br>- Thời gian thực hiện toàn bộ quy trình <= 2.5 giờ<br>- Đạt tiêu chuẩn CE-IVD<br>- Tương thích với các hệ thống tự động và bán tự động<br>- Quy cách tối thiểu: 96 Test/hộp  | Không yêu cầu                |
| 1.32 | Bộ kit xét nghiệm miễn dịch đồng thời kháng nguyên và kháng thể virus HCV bằng phương pháp ELISA 480 Test | Hộp  | 1                    | -                                | - Bộ xét nghiệm miễn dịch enzyme dùng để xét nghiệm định tính đồng thời cả kháng nguyên lõi và kháng thể chống virus viêm gan C (anti-HCV) trong mẫu huyết tương hoặc huyết thanh của người.<br>- Thành phần: Bao gồm: Khay vi giếng, chứng âm, chứng dương kháng nguyên, chứng dương kháng thể, Dung dịch pha loãng mẫu, chất cộng hợp, dung dịch pha loãng chất cộng hợp, cơ chất đậm đặc, dung dịch pha loãng cơ chất, dung dịch rửa<br>- Độ nhạy: 100%<br>- Độ đặc hiệu: 99.82%<br>- Độ nhạy phân tích antigen =< 800 IU/mL<br>- Số giếng control + Blank =< 4 giếng cho 1 lần chạy<br>- Thời gian thực hiện toàn bộ quy trình <= 2.5 giờ<br>- Đạt tiêu chuẩn CE-IVD<br>- Tương thích với các hệ thống tự động và bán tự động<br>- Quy cách tối thiểu: 480 Test/hộp | Không yêu cầu                |



| STT  | Tên Hàng hóa                                                                                                                | DVT | Số lượng<br>kế hoạch | Số lượng<br>tùy chọn<br>mua thêm | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Vùng<br>lãnh thổ<br>sản xuất |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------------------|----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| 1.33 | Bộ kit xét nghiệm<br>định tính kháng<br>nguyên, kháng thể<br>kháng virus HIV<br>96 Test                                     | Hộp | 4                    | 1                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ xét nghiệm miễn dịch enzyme dùng để phát hiện định tính kháng nguyên p24 của HIV và các kháng thể chống lại virus suy giảm miễn dịch ở người loại 1 (HIV-1, bao gồm HIV-1 nhóm O) và loại 2 (HIV-2) trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương của con người.</li> <li>- Thành phần bộ kit: Khay vi giếng, chứng âm, chứng dương HIV-1 ab, chứng dương HIV-2 ab, Chất chuẩn HIV-1 p24 Ag, Dung dịch pha loãng mẫu, Chất cộng hợp, dung dịch pha loãng chất cộng hợp, cơ chất đậm đặc, dung dịch pha loãng cơ chất, dung dịch rửa</li> <li>- Độ nhạy: 100%</li> <li>- Độ đặc hiệu: 99.78%</li> <li>- Độ nhạy phân tích HIV-1 p24 Antigen: 0.977 IU/mL</li> <li>- Số giếng Control + Blank =&lt; 6 giếng cho 1 lần chạy</li> <li>- Thời gian thực hiện toàn bộ quy trình &lt;= 2 giờ</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn: CE-IVD, được liệt kê vào danh sách tiền thẩm định của WHO (WHO pre-qualified)</li> <li>- Tương thích với các hệ thống tự động và bán tự động</li> <li>- Quy cách tối thiểu: 96 Test/hộp</li> </ul>  | Không<br>yêu cầu             |
| 1.34 | Bộ kit xét nghiệm<br>miễn dịch đồng<br>thời kháng nguyên<br>và kháng thể virus<br>HIV bằng phương<br>pháp ELISA 480<br>Test | Hộp | 1                    | -                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ xét nghiệm miễn dịch enzyme dùng để phát hiện định tính kháng nguyên p24 của HIV và các kháng thể chống lại virus suy giảm miễn dịch ở người loại 1 (HIV-1, bao gồm HIV-1 nhóm O) và loại 2 (HIV-2) trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương của con người.</li> <li>- Thành phần bộ kit: Khay vi giếng, chứng âm, chứng dương HIV-1 ab, chứng dương HIV-2 ab, Chất chuẩn HIV-1 p24 Ag, Dung dịch pha loãng mẫu, Chất cộng hợp, dung dịch pha loãng chất cộng hợp, cơ chất đậm đặc, dung dịch pha loãng cơ chất, dung dịch rửa</li> <li>- Độ nhạy: 100%</li> <li>- Độ đặc hiệu: 99.78%</li> <li>- Độ nhạy phân tích HIV-1 p24 Antigen: 0.977 IU/mL</li> <li>- Số giếng Control + Blank =&lt; 6 giếng cho 1 lần chạy</li> <li>- Thời gian thực hiện toàn bộ quy trình &lt;= 2 giờ</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn: CE-IVD, được liệt kê vào danh sách tiền thẩm định của WHO (WHO pre-qualified)</li> <li>- Tương thích với các hệ thống tự động và bán tự động</li> <li>- Quy cách tối thiểu: 480 Test/hộp</li> </ul> | Không<br>yêu cầu             |

| STT  | Tên Hàng hóa                                                                    | DVT | Số lượng kế hoạch | Số lượng tùy chọn mua thêm | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Vùng lãnh thổ sản xuất |
|------|---------------------------------------------------------------------------------|-----|-------------------|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1.35 | Bộ kit xét nghiệm miễn dịch kháng thể Treponema pallidum bằng phương pháp ELISA | Hộp | 1                 | -                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ xét nghiệm miễn dịch enzyme dùng để phát hiện định tính các kháng thể chống lại Treponema pallidum trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương của con người.</li> <li>- Thành phần bao gồm: Khay vi giếng, chứng âm, chứng dương, Dung dịch pha loãng mẫu, chất cộng hợp, cơ chất đậm đặc, dung dịch pha loãng cơ chất, dung dịch</li> <li>- Kháng nguyên sử dụng: Hỗn hợp protein tái tổ hợp TpN15, TpN17, TpN47</li> <li>- Độ nhạy: 100%</li> <li>- Độ đặc hiệu: 99.95%</li> <li>- Số giếng control + blank =&lt; 4 giếng cho 1 lần chạy</li> <li>- Thể tích hút mẫu: &lt;= 50 ul</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn: CE-IVD</li> <li>- Tương thích với các hệ thống tự động và bán tự động</li> <li>- Quy cách tối thiểu: 480 Test/hộp</li> </ul>                                                           | Không yêu cầu          |
| 1.36 | Bộ kit xét nghiệm miễn dịch kháng nguyên HBV bằng phương pháp ELISA 96 Test     | Hộp | 4                 | 1                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ xét nghiệm miễn dịch enzyme dùng để phát hiện định tính kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg) trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương của con người.</li> <li>- Thành phần bao gồm: Khay vi giếng, chứng âm, chứng dương, Dung dịch pha loãng mẫu, chất cộng hợp, cơ chất đậm đặc, dung dịch pha loãng cơ chất, dung dịch rửa</li> <li>- Độ nhạy: 100%</li> <li>- Độ đặc hiệu: 99.97%</li> <li>- Độ nhạy phân tích =&lt; 0.023 IU/mL</li> <li>- Số giếng control + blank =&lt; 3 giếng cho 1 lần chạy</li> <li>- Thời gian thực hiện toàn bộ quy trình &lt;= 2 giờ</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn: CE-IVD, được liệt kê vào danh sách tiền thẩm định của WHO (WHO pre-qualified)</li> <li>- Tương thích với các hệ thống tự động và bán tự động</li> <li>- Quy cách tối thiểu: 96 Test/hộp</li> </ul>  | Không yêu cầu          |
| 1.37 | Bộ kit xét nghiệm miễn dịch kháng nguyên HBV bằng phương pháp ELISA 480 Test    | Hộp | 1                 | -                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ xét nghiệm miễn dịch enzyme dùng để phát hiện định tính kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg) trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương của con người.</li> <li>- Thành phần bao gồm: Khay vi giếng, chứng âm, chứng dương, Dung dịch pha loãng mẫu, chất cộng hợp, cơ chất đậm đặc, dung dịch pha loãng cơ chất, dung dịch rửa</li> <li>- Độ nhạy: 100%</li> <li>- Độ đặc hiệu: 99.97%</li> <li>- Độ nhạy phân tích =&lt; 0.023 IU/mL</li> <li>- Số giếng control + blank =&lt; 3 giếng cho 1 lần chạy</li> <li>- Thời gian thực hiện toàn bộ quy trình &lt;= 2 giờ</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn: CE-IVD, được liệt kê vào danh sách tiền thẩm định của WHO (WHO pre-qualified)</li> <li>- Tương thích với các hệ thống tự động và bán tự động</li> <li>- Quy cách tối thiểu: 480 Test/hộp</li> </ul> | Không yêu cầu          |
| 1.38 | Đầu Tip nhựa dùng hút hóa chất/mẫu thử                                          | Tip | 42.240            | 12.480                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thẻ tích tối đa: 1100 uL</li> <li>- Chiều dài tổng thể: 97 ± 0.2 mm</li> <li>- Vật liệu: Được làm từ nhựa PP (Polypropylene)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Không yêu cầu          |



| STT | Tên Hàng hóa                                           | DVT | Số lượng<br>kế hoạch | Số lượng<br>tùy chọn<br>mua thêm | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Vùng<br>lãnh thổ<br>sản xuất |
|-----|--------------------------------------------------------|-----|----------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| 2   | Vật tư, hóa chất dùng cho máy<br>phân tích sỏi LIIR-20 |     |                      |                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                              |
| 2.1 | Tinh thể KBr                                           | gam | 1000                 | 300                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngoại quan: Tinh thể màu trắng</li> <li>- Chức năng: vật liệu chuẩn trong phân tích phổ hồng ngoại FTIR, môi trường truyền tin IR</li> <li>- Phân tích KBr - FTIR xác định: sỏi Calcium Oxalate, sỏi Uric acid, sỏi Cystine, sỏi Struvite, sỏi hỗn hợp</li> </ul>              | Không<br>yêu cầu             |
| 2.2 | Hộp hạt hút ẩm                                         | Hộp | 20                   | 6                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Inox y tế</li> <li>- Thiết kế đục lỗ, lưu thông không khí</li> <li>- Chức năng: giữ môi trường khô tuyệt đối, ổn định đường đi của tia IR, đảm bảo độ chính xác và độ lặp lại của phổ</li> <li>- Tương thích với Máy phân tích sỏi LIIR-20 tại Bệnh viện</li> </ul> | Không<br>yêu cầu             |